

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HS -ST.
Ngày 02 - 7- 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Trữ và bà Nguyễn Thị Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh T - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2021/TLST - HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST - QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1995, tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Ch (đã chết) và bà Lê Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 chuyển tạm giam. Có mặt.

2/ Nguyễn Văn T, (tên gọi khác: Nguyễn Tiến D), sinh năm 1976, tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Tiến D1 (đã chết) và bà Trần Thị L1; vợ: Nguyễn Thị B (đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 1998; tiền án: Ngày 19/6/1999, TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 16 năm tù về tội: “Cướp tài sản của công dân”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2012; ngày 29/9/2014, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội: “Đánh bạc”; Ngày 12/12/2014, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 24 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 26 tháng tù tại bản án ngày 29/9/2014, buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 50 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/12/2016; ngày 02/02/2018, Tòa án nhân dân quận 3, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2020; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/12/1995, Tòa án nhân dân thị xã Hà Nam xử phạt 06 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản của công dân”; Ngày 12/01/1996, Tòa án nhân dân thị xã Hà Nam xử phạt

09 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản của công dân” và 09 tháng tù về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại bản án ngày 21/12/1995 buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 tháng tù. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 chuyển tạm giam. Có mặt.

Hiện các bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3/ Bà Trần Thị L1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

Anh Trần Nam Tr, sinh năm 1979; Anh Ngô Trọng H, sinh năm 1980. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 24/12/2020, Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn L để mượn xe mô tô đi có việc, sau đó L đi xe mô tô BKS: 90B1-699.85 đến nhà T. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì L rủ T đi mua ma túy sử dụng. T đồng ý. Sau đó L gọi điện cho Nguyễn Chí C hỏi vay 1.000.000đ, C chuyển vào tài khoản Ngân hàng Viettinbank của L. T lấy điện thoại có số sim 0916083370 gọi vào số 0913.273702 của người đàn ông tên Thắng hỏi mua ma túy. Khi T đang nói chuyện dở thì điện thoại hết tiền, L lấy điện thoại có số sim 0915205185 gọi điện cho Thắng yêu cầu bán ma túy cả “hồng” và “đá” tất cả là sáu trăm, còn lại bốn trăm đưa tiền mặt lại cho L. Thắng đồng ý bảo L chuyển tiền. Sau đó, L sử dụng ứng dụng “Momo” trên điện thoại chuyển 1.000.000đ vào tài khoản “Momo” số điện thoại 0986.226897 của Thắng và gọi điện thì Thắng bảo L đi ra khu vực ngã tư giao giữa đường Nguyễn Phúc Lai - Lê Duẩn thuộc tổ 9, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý lấy ma túy. L bảo T điều khiển xe mô tô BKS: 90B1-699.85 chở đến chỗ hẹn. T chở L đến trước cửa quán bia thì dừng lại, L đi vào nhìn thấy dưới gốc cây có 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng thì cầm lên mở ra bên trong có 400.000đ; 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ trong có chứa 05 viên nén màu đỏ hồng và 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ chứa chất tinh thể màu trắng. Biết đó là các túi ma túy và số tiền thừa Thắng trả nên L cất tiền vào túi quần, cất vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng vào túi áo khoác rồi đi ra chỗ T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở L đi đến đoạn đường Đinh Tiên Hoàng thuộc tổ dân phố Hồng Phú, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý tìm chỗ để sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Đội cảnh sát giao thông Trật tự - Công an thành phố Phủ Lý thấy có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. L xuống xe lấy vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có túi ma túy vứt vào gốc cây trên vỉa hè thì bị lực lượng công an phát hiện thu giữ. Lực lượng công an

đã đưa Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T cùng vật chứng về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

- **Vật chứng, tài sản thu giữ:** 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ, bên trong chứa 05 viên nén hình tròn màu đỏ hồng; 01 túi nilon màu trắng có kẹp nhựa viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01); 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng; 01 xe mô tô BKS: 90B1-699.85 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh-trắng; số tiền 290.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đỏ thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn L tại thôn B, xã L, thành phố P và nơi ở của Nguyễn Văn T tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 263/PC09-MT ngày 30/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: “Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,353g loại: Methamphetamine; mẫu viên nén trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,483g loại: Methamphetamine”.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKS-PL ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Văn L về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o, khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hoặc thay đổi gì đối với nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249 (đối với bị cáo L); điểm o, khoản 2 Điều 249 (đối với bị cáo T); Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo T) Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Tiến D) phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 36 đến 42 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn T 06 năm đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2021. Các bị cáo phạm tội không có mục đích trục lợi và không có công việc ổn định nên không phạt tiền bổ sung.

Xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo không tranh luận, không bào chữa và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L2 đề nghị: Đối với xe mô tô BKS 90B1 - 699.85 là tài sản hợp pháp của anh, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại, anh L2 nhất trí không có ý kiến gì. Đối với điện thoại di động Iphone 8 Plus là tài sản hợp pháp của anh L2 cho bị cáo L mượn mà không biết L sử dụng

để phạm tội về ma túy nên anh đề nghị Hội đồng xét xử trả lại để sử dụng hàng ngày.

Bà Trần Thị L1 xác nhận: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà 01 điện thoại di động OPPO màu vàng. Bà không còn ý kiến gì khác về chiếc điện thoại này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo L, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định của cơ quan chuyên môn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ buộc tội kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/12/2020, Nguyễn Văn L rủ Nguyễn Văn T đi mua ma túy để sử dụng, T đồng ý. Khi L, T đang điều khiển xe trên đường Đinh Tiên Hoàng thuộc tổ dân phố Hồng Phú, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý thì bị tổ công tác Đội cảnh sát giao thông Trật tự - Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang L đang cất giữ trái phép 0,836 gam chất ma túy loại Methamphetamine, mục đích để cùng sử dụng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Trong đó: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội khi đang có 4 tiền án chưa được xóa (đã tái phạm lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý) nên phạm tội theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý truy tố và luận tội đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm, Nguyễn Văn L là người khởi xướng, vay tiền, trực tiếp mua, cất giữ ma túy nên giữ vai trò thứ nhất, Nguyễn Văn T liên lạc trao đổi mua ma túy, điều khiển phương tiện chở L đi lấy ma túy nên giữ vai trò đồng phạm là người giúp sức. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm sẽ được Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân rất xấu, liên tục phạm tội bị Tòa án kết án về tội với lỗi cố ý với hình phạt tù nghiêm khắc nhưng không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo rất coi thường, bất chấp pháp luật, không có ý thức sửa chữa lỗi lầm, khó cải tạo bản thân.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà hôm nay và tại cơ quan điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn T có mẹ đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ, có bố đẻ là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá về hình phạt:

Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe của các bị cáo mà còn xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố Phủ Lý, đồng thời là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội, tội phạm nguy hiểm khác gây bất bình sâu sắc trong quần chúng nhân dân. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân vai trò của các bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc khi lượng hình để vừa giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích vừa có tác dụng phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, không có mục đích kiếm lời nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng:

Toàn bộ số Methamphetamine hoàn trả sau giám định cùng bao gói thu giữ của Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 sim điện thoại có số 0915205185 và 0916083370 L và T sử dụng liên lạc với Thắng để mua trái phép chất ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 căn cước công dân và số tiền 290.000đ là giấy tờ, tài sản của T không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn L2 (là em trai của Nguyễn Văn L). Anh L2 cho L mượn điện thoại trên nhưng không biết L sử dụng làm phương tiện phạm tội vì vậy cần trả lại chiếc điện thoại cho anh L2.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Chí C không yêu cầu đề nghị Nguyễn Văn L trả lại số tiền 1.000.000đ đã vay nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[9] Về các tình tiết khác của vụ án:

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T: Quá trình điều tra L và T khai mua của người đàn ông tên Th, khoảng 35 tuổi ở B, phường T, thành phố Phủ Lý. Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phủ Lý phối hợp với Công an phường Thanh Châu tiến hành xác minh người có tên là Trần Văn Th, sinh năm 1986 trú tại tổ dân phố B, phường T, thành phố Phủ Lý. Cơ quan điều tra - Công an thành phố Phủ Lý đã nhiều lần triệu tập Th để làm việc nhưng Thảng không có mặt ở địa phương nên chưa có căn cứ xử lý trong vụ án này.

Đối với số tiền 400.000đ là tiền Nguyễn Văn L mua ma túy còn thừa, L khai không biết làm rơi ở đâu. Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phủ Lý đã truy tìm nhưng không tìm thấy số tiền này vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 90B1-699.85 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh - trắng là tài sản hợp pháp của anh L2, anh cho L mượn chiếc xe mô tô nhưng không biết L sử dụng làm phương tiện phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh L2 là đúng pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng là tài sản của bà Trần Thị L1 (là mẹ đẻ của Nguyễn Văn T). Bà L1 cho T mượn chiếc điện thoại trên nhưng không biết T sử dụng là phương tiện phạm tội. Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại chiếc điện thoại cho bà L1 là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Chí C là người đã cho Nguyễn Văn L vay 1.000.000đ nhưng không biết L vay tiền để mua ma túy sử dụng nên hành vi của C không đồng phạm về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249 (đối với bị cáo L); điểm o, khoản 2 Điều 249 (đối với bị cáo T) ; Điều 17; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo T) Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 105; 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Tiến D) phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2]Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2020.

Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Tiến D) 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2020.

Không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T.

[3] Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì được niêm phong mặt trước ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT01” số 263/PC09-MT. Tại mép dán mặt sau có các chữ ký của Nguyễn Thị Lan Hương, Đinh Trọng Lực, 01 (một) chữ ký đóng dấu chức danh Trưởng phòng Thượng tá Nguyễn Đại Hữu và ba dấu tròn đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng và 02 sim điện thoại số 0915205185 và 0916083370.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) căn cước công dân số 035076001244 mang tên Nguyễn Văn T và số tiền 290.000đ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền 290.000đ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại anh Nguyễn Văn L 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đỏ, số IMEI: 353013095672768; số MEID: 35301309567276 (cũ, qua sử dụng).

(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27/5/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý và ủy nhiệm chỉ lập ngày 16/6/2021).

[3] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Phủ Lý;
- Cơ quan Thi hành án HS Công an TP Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Bị cáo; người có QL&NVLQ đến vụ án;
- Trại tạm giam;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA